

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ H T  
TỈNH TÂY N**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10/5/2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ H T**

**- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thịnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Bà Lê Ngọc Trâm

2/ Ông Trần Văn Thạch

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Thị Nguyễn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã H T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H T tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Lâm Thúy Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã H T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXX-ST ngày 16 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị T Thị Ngọc M - sinh năm 1991;

Địa chỉ: Ô 3/59, Tổ 17, ấp Trường L, xã Trường Đ, thị xã H T, tỉnh Tây N.

Chỗ ở: ấp Trường C, xã Trường H, thị xã H T, tỉnh Tây N.

2. *Bị đơn:* Anh Đoàn Minh C1 - sinh năm 1986

Địa chỉ: Ô 3/59, Tổ 17, ấp Trường L, xã Trường Đ, thị xã H T, tỉnh Tây N.

(Các đương sự vắng mặt có đơn)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T Thị Ngọc M trình bày:* Chị và anh C1 chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Đ, thị xã H T, tỉnh Tây N. Thời gian vợ chồng sống chung không hợp nhau, nay không thể hàn gắn được nữa, nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C1.

Về con chung: Chưa có con và chị cũng không mang thai.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, vợ chồng không nợ chung.

*Tại lời khai ngày 14 tháng 4 năm 2021 bị đơn anh Đoàn Minh C1 trình bày:* Anh và chị M chung sống với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn, nhưng anh không nhớ đăng ký năm nào, thời gian vợ chồng sống chung không mâu thuẫn. Do chị M nhắn tin trên điện thoại và bạn của anh nói với anh là vợ anh đi với người khác, nên anh có đuổi vợ đi từ cuối năm 2020 đến nay, trước đó anh có làm đơn xin ly hôn với

vợ nhưng vợ không ký tên, nên anh chưa gửi đơn đến Tòa án. Nay anh xác định vợ chồng không sống chung được nữa, nhưng anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H T phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự, những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Căn cứ vào Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014, Nghị quyết số 326 về án phí lệ phí: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M. Con chung không có. Tài sản chung, nợ chung khai không có không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết; chị M phải chịu án phí theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị T Thị Ngọc M là nguyên đơn, anh Đoàn Minh C1 là bị đơn có đơn xin vắng mặt, nên cần áp dụng vào Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị M và anh C1.

[2]. Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Chị T Thị Ngọc M và anh Đoàn Minh C1 chung sống với nhau vào năm 2012, đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 7 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Trường Đ, huyện H T (nay là thị xã H T), tỉnh Tây N, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị M vợ chồng không thể hàn gắn được, nguyên nhân do không H hợp bất đồng ý kiến. Ngược lại anh C1 cho rằng vợ chồng không mâu thuẫn, nhưng xác định vợ chồng không hàn gắn được và không đồng ý ly hôn là không phù hợp. Vì chị M và anh C1 sống ly thân từ cuối năm 2020 đến nay, không ai quan tâm tới ai, anh C1 không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, giữa chị M và anh C1 không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là có cơ sở phù hợp.

[3]. Về con chung: Chưa có.

[4]. Tài sản chung, nợ chung: Chị M, anh C1 không yêu cầu giải quyết và khai không nợ chung, nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã H T đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn như nhận định nêu trên là có cơ sở phù hợp.

[6]. Về án phí: Chị M phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 /12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.  
Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T Thị Ngọc M đối với anh Đoàn Minh C1.

Chị T Thị Ngọc M và anh Đoàn Minh C1 được ly hôn.

**2.** Về con chung: Chưa có.

**3.** Tài sản chung, nợ chung: Chị M, anh C1 không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và khai không nợ chung, nên không đặt ra giải quyết.

**4.** Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009695 ngày 05/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H Thành, chị M đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

**5.** Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây N trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

**Các T viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**



